

Số: 477 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 12 tháng 3 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng**

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 785/TTr-STNMT ngày 04/3/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo.*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế 05 thủ tục hành chính lĩnh vực Biển đã được công bố tại mục B Phụ lục kèm

theo Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực biển thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục Kiểm soát TTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11.



**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN: GIAO THỦY, HẢI HẬU, NGHĨA HƯNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận khu vực biển	Căn cứ pháp lý	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: Không quá 10 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p>	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không quy định	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển.</li> </ul>			
2	Giao khu vực biển	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ; gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày</li> </ul>	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</li> </ul>

			<p>làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</li> <li>- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trình hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ giao khu vực biển từ Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> </ul>			
3	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn tiến hành thẩm định: Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ; gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa</li> </ul>	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</li> </ul>

			<p>không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</li> <li>- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</li> </ul>			
4	Trả lại khu vực biển	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn tiến hành thẩm định: Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định</li> </ul>	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</li> </ul>

			<p>thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</li> <li>- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</li> </ul>			
5	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa và quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ.</li> </ul>	Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.</li> </ul>

		<p>Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</li><li>- Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ.</li><li>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</li></ul>			
--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--